

Số: 29/2024/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại: Tờ trình số 182/TTr-STNMT ngày 09 tháng 10 năm 2024 và Báo cáo số 313/BC-STNMT ngày 14 tháng 10 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai. Diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông

nghiệp trên đất trồng lúa thực hiện theo quy định của Nghị định quy định chi tiết về đất trồng lúa.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai thuộc tỉnh Đắk Nông.

2. Cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 178 Luật Đất đai.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất.

## **Điều 3: Giải thích từ ngữ**

1. *Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp* gồm nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động; công trình để sơ chế, bảo quản nông sản, kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trung bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

2. *Khu đất* trong quyết định này là diện tích đất có ranh giới rõ ràng, gồm 01 (một) hoặc nhiều thửa đất liền kề, do 01 (một) chủ thể sử dụng hoặc do nhiều chủ thể có chung quyền sử dụng.

## **Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

1. Khu đất có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến 5.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 25 m<sup>2</sup>.

2. Khu đất có diện tích từ 5.000 m<sup>2</sup> đến 10.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50 m<sup>2</sup>.

3. Khu đất có diện tích từ 10.000 m<sup>2</sup> đến 50.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100 m<sup>2</sup>.

4. Khu đất có diện tích từ 50.000 m<sup>2</sup> đến 300.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 300 m<sup>2</sup>.

5. Khu đất có diện tích trên 300.000 m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 500 m<sup>2</sup>.

6. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất, nhưng tổng diện tích không vượt quá quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

## **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 2 quyết định này có nhu cầu xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì gửi thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, để theo dõi, giám sát việc xây dựng công trình và sử dụng đất.





2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ theo dõi việc xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo đúng quy định này.

3. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 10 năm 2024.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ thuộc Sở Nội vụ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, TH, NC, KT, NNTNMT(LVT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ê Trọng Yên**

